CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:22/PHẠM – ASSET/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm : 1376/2024/ SATTP-HCM, có hiệu lực đến ngày 12/04/2027.

Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU GÀ VỊ TẢO BIỂN**
2. Thành phần: Đậu gà 65%, chất ổn định (1451), đường, bột mì, dầu cọ, gia vị tảo biển 3% (maltodextrin, muối, bột rong biển, đường, chất điều vị (621), bột tiêu đen), muối i-ốt, chất tạo xốp (500(ii)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
   - 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
   - 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Đậu được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.
   - Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g,36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.
   - Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Phạm – Asset Mekong

Địa chỉ: Lô F-2-1, Góc đường N4 và đường D6, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-027) 622 000 17

(Mã trên bao bì: E, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

II. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nhãn sản phẩm (Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng).

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (áp dụng cho đậu phộng, lúa mì, ngũ cốc và gia vị)
- Tiêu chuẩn giới hạn ô nhiễm sinh học theo tiêu chuẩn cơ sở.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT và Thông tư 17/2023/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

M.S.D.N: 0302171009 CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET P.BÌNH TÂN - TP.HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc

Phạm Xuân Phúc

M.S.D.N:0302771009
CÔNG TY
LIÊN DOANH
PHẠM-ASSET
P.BÌNH TÂN - TP.HỒ CHÍ MINH

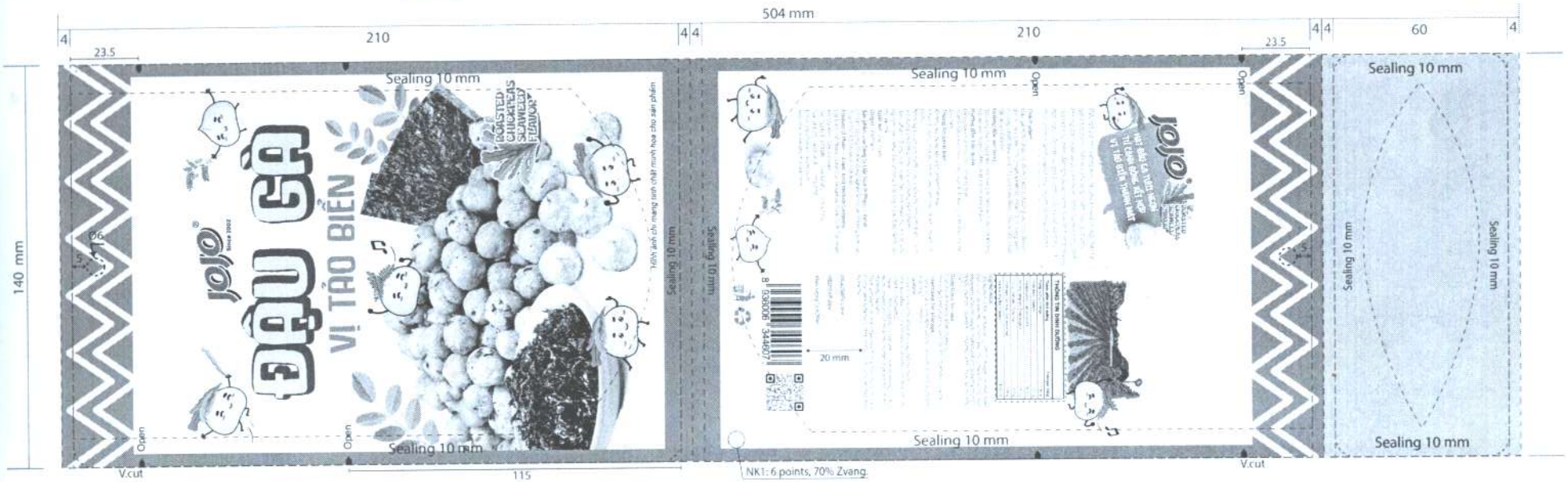

XinYuan	Thiết Kế (Designer)	MÃ SỐ-SL sửa: XYBD-NNT1679 (Y103821G2) - SL00-DANTRANG	Chất liệu in (Material print): PET (mặt sau)	Size: (mm)	504 x 140
		Tên sản phẩm (Product name): JOJO DAU GA VI TAO BIEN 140x210 MM-SUA TRUC.		SIZE EYEMARK: (mm)	90 x 90
	TẤM	K Zx C M Y Zvang W		Date (DD/MM/YY)	24.07.2026

- Sửa 1 truc: K . Sửa 1 chỗ khoanh:

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com
VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ *No*: 38654.2608/KQ-VTT
Mã số/ *Code*: KH.12492 2608
Mã số mẫu/ *Sample code*: PTN.33432 2608
Trang/ *Page: 1/ 4*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM - ASSET**
Địa chỉ/ *Address* : Lô D4/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 03/08/2026 **Thời gian phân tích/ *Time of analysis*:** 03-20/08/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of issue* : 25/08/2026
Loại mẫu/ *Kind of sample* : Thực phẩm/ *Food* **Số lượng mẫu/ *Quantity of sample*:** 450 g x 1 gói *450 g x 1 bag*
Tên mẫu/ *Name of sample* : **ĐẬU GÀ VỊ TẢO BIỂN**
Tình trạng mẫu / *State of sample* : Đóng gói kín/ *In the bag*

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
1.	Năng lượng/ *Energy*	TCVN 7088:2015	386	Kcal/100g
2.	Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)/ *Carbohydrate (excluding fiber)*	SOP.01-445:2022 (Ref. AOAC 986.25)	59,0	g/100g
3.	Béo tổng/ *Total fat* (*)	SOP.01-194:2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 214)	10,7	g/100g
4.	Protein	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	13,5	g/100g
5.	Độ ẩm/ *Moisture* (*)	SOP.01-197:2021 (Ref. FAO FOOD 14/7:1986, page 205)	1,68	%
6.	Đường tổng/ *Total sugar* (*)	SOP.01-122:2020 (Ref. TCVN 4594:1988)	14,8	g/100g
7.	Natri/ *Sodium* (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref. AOAC 969.23)	1 052	mg/100g
8.	Béo bão hòa/ *Saturated fat*	SOP.01-416: 2022 (Ref. AOAC 996.06)	3,45	g/100g
9.	Thủy ngân/ *Mercury* (Hg) (*)	AOAC 974.14	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,015)	mg/kg

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com
VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ *No*: 38654.2608/KQ-VTT
Mã số/ *Code*: KH.12492 2608
Mã số mẫu/ *Sample code*: PTN.33432 2608

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
10.	Arsen/ *Arsenic* (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,05)	mg/kg
11.	Chì/ *Lead* (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,01)	mg/kg
12.	Cadmi/ *Cadmium* (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,0015)	mg/kg
13.	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)/ *Total aflatoxins (B1, B2, G1 and G2)* (*)	SOP.01-362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,5)	µg/kg
14.	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01-362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,2)	µg/kg
15.	Ochratoxin A (*)	SOP.01-363:2022 (Ref. AOAC 2004.10)	Không phát hiện *Not detected* (LOD=0,2)	µg/kg
16.	Deoxynivalenol (DON) (*)	SOP.01-603:2024 (Ref. EN 15791:2009)	Không phát hiện *Not detected* (LOD=10)	µg/kg
17.	Zearalenone (ZON) (*)	SOP.01-604:2024 (Ref. TCVN 10640:2014)	Không phát hiện *Not detected* (LOD=1)	µg/kg
18.	Fumonisin tổng số/ *Total Fumonisin*	SOP.01-507	Không phát hiện *Not detected* (LOD=150)	µg/kg
19.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí/ *Total plate count* (*)	TCVN 4884-1:2015 ISO 4833-1:2013/Amd1:2022	< 10	CFU/g
20.	Coliforms (*)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	< 10	CFU/g
21.	*Escherichia coli* (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com
VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ *No*: 38654.2608/KQ-VTT
Mã số/ *Code*: KH.12492 2608
Mã số mẫu/ *Sample code*: PTN.33432 2608
Trang/ *Page: 3/ 4*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
22.	*Staphylococcus aureus* (*)	AOAC 975.55	< 10	CFU/g
23.	*Clostridium perfringens* (*)	ISO 15213-2:2023	< 10	CFU/g
24.	*Bacillus cereus* (*)	AOAC 980.31	< 10	CFU/g
25.	Tổng số nấm men nấm mốc/ *Total yeasts and moulds* (*)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	< 10	CFU/g

Ghi chú/ *Notes*: **Bảng kết quả này được thay thế cho bảng kết quả số: 36284.2608/KQ-VTT, ngày 10/08/2026**
This test result report replaces test result report No.36284.2608/KQ-VTT, 10/08/2026
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*
LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantitation.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.*
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com

VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ *No*: 38654.2608/KQ-VTT
Mã số/ *Code*: KH.12492 2608
Mã số mẫu/ *Sample code*: PTN.33432 2608

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
NUTRITION FACTS

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g

Nutritional value calculated in 100g

		% Giá trị hàng ngày* *% Daily Value**
Năng lượng/ *Energy*	**386 Kcal**	
Chất đạm/ *Protein*	13.5g	
Carbohydrat/ *Carbohydrate*	59g	**18%**
Đường tổng số/ *Total Sugars*	14.8g	
Chất béo/ *Total Fat*	10.7g	**19%**
Chất béo bão hòa/ *Saturated Fat*	3.45g	**17%**
Natri/ *Sodium*	1052mg	**53%**

* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.

** The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.*